

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HS-ST**
Ngày 16/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Mạo

2. Ông Hoàng Thăng Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Đình T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 01 năm 1982 tại Thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Đ (Đã Đình chỉ sinh hoạt theo Quyết định số: 41-QĐ/UBKTTU ngày 23/11/2020 của Ủy ban kiểm tra T); Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Đình T và bà Hoàng Thị T; Vợ: Bế Thị Ch; Con có 02 con (Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1 - Chị Nông Thị Th, sinh năm 1986. Trú tại: T 11, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

2 - Anh Ngô Dũng M, sinh năm 1987. Trú tại: T2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

3 - Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1991. Trú tại: T 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Đức H- sinh năm 1973. Trú tại: phố N, thị trấn Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 25/10/2019, Trịnh Đình T1 đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết từ Bến xe khách B đến thôn P, xã M, huyện B. Sau đó T1 xuống xe để bắt xe khách về nhà tại thôn N, xã D, Thành phố B, khi đang đợi xe T1 gặp Nguyễn Thị Bích Ng, do quen biết từ trước, hai người có hỏi thăm và nói chuyện với nhau. Sau đó bà Nguyễn Thị Bích Ng nhờ T1 mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE biển kiểm soát 97B1-416.34 xuống thành phố Bắc Kạn để trả cho cháu gái Ng là Nông Thị Th, trú tại t 11B, phường Đ, thành phố B, và lấy chiếc xe của bà Ng ở nhà chị Th về cho bà Ng. Trịnh Đình T1 đồng ý, bà Ng đưa cho Trịnh Đình T1 giấy tờ xe rồi T1 đi về nhà tại thôn N, xã D, thành phố B. Sáng ngày 26/10/2019, Trịnh Đình T1 điều khiển xe đến thị trấn Ch, huyện B, đến chiều ngày 29/10/2019, Trịnh Đình T1 điều khiển chiếc xe trên đi đến thành phố B và nảy sinh ý định bán chiếc xe nên đi đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy Dũng M tại t 16, phường Ng, thành phố B, bán được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sáng ngày 30/10/2019, Trịnh Đình T1 đi khỏi địa phương, bà Nguyễn Thị Bích Ng gọi điện thoại bảo T1 mang xe về trả thì Trịnh Đình T1 đã hứa nhiều lần nhưng không mang xe trả cho bà Ng, bà Ng nhắn tin, gọi điện thì Trịnh Đình T1 không nghe máy và không trả lời.

Ngày 04/11/2019 bà Nguyễn Thị Bích Ng làm đơn trình báo đến Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn, đến ngày 04/5/2020 Trịnh Đình T1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn để trình diện. Đối với chiếc xe sau khi Trịnh Đình T1 bán cho cửa hàng xe máy Dũng M, ngày 07/01/2020 anh Ngô Dũng M đã bán chiếc xe cho anh Triệu Văn Q, trú tại T 1, phường P, thành phố B với giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 15/01/2020, Công an phường P, thành phố B tạm giữ chiếc xe và bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B. Đối với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) do bán xe có được Trịnh Đình T1 đã chi tiêu cá nhân hết,

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 731a/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 20/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS 97B1-416.34 màu đỏ, đen có giá trị là **21.171.150đ** (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng).

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKSBB, ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Trịnh Đình T1 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình T1 phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65/Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Đình T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Ngày 25/10/2019, tại đoạn đường tỉnh lộ 258 thuộc thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, do quen biết nhau từ trước nên Nguyễn Thị Bích Ng đã nhờ Trịnh Đình T1 mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS 97B1-416.34 đến thành phố B trả cho Nông Thị Th vào sáng 26/10/2019, Trịnh Đình T1 đồng ý nhưng không đem xe trả cho chị Nông Thị Th. Đến chiều ngày 29/10/2019 Trịnh Đình T1 đem xe đi bán tại cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy Dũng M ở t 16, phường Ng, thành phố B được số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS 97B1-416.34 có giá trị là **21.171.150đ** (Hai mươi một triệu một trăm bảy mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng).

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Đình T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội : *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175/ Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung như sau:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc

về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu và quyền quản lý tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi liên quan; Hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam đã có nhiều đóng góp được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến và được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc.....trong công tác”. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Trịnh Đình T là người có công với nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định, quá trình sinh sống tại địa phương chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là đủ, vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Trịnh Đình T1 đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại với người bị hại, người có quyền lợi liên quan, tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại và những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu gì khác, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có công việc cụ thể cho nên không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng Hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Vật chứng của vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS 97B1-416.34, trong quá trình điều tra vụ án cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Về chiếc điện thoại di động bị cáo liên lạc với bị hại, bị cáo khai đã bị hỏng và vứt bỏ và cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Đối với Ngô Dũng M (chủ cửa hàng xe máy Dũng M) và Triệu Văn Q là những người mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE BKS 97B1-416.34. Do không biết chiếc xe phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình T1 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65/ Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Đình T1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo, Ng bị hại, NgCQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Hùng

